

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:35/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06/7/2020

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ong Thân Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Sửu.

Bà Nguyễn Thị Bích.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:***  
Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 06/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2019 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXX-ST ngày 17/6/2020 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Hoàng Bích N – Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

**\* Bị đơn :** Anh Dương Văn T – Sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động ở nước ngoài: công ty TNHH Cổ phần công nghệ phụ tùng ô tô X. Địa chỉ: Số 38, ngõ 306, đường H, phường T, quận Long Tỉnh, thành phố Đà Trung, Đà Loan.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

\* Người đại diện nhận văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh Dương Văn T: Ông Dương Văn M, sinh năm: 1959. Nơi ĐKKHKT: Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (là bố đẻ của anh Dương Văn T).

Không triệu tập đến phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 12/4/2019 nguyên đơn là chị Hoàng Bích N trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Tôi và anh Dương Văn T kết hôn ngày 03/11/2014 trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn và có tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn tôi về nhà chồng làm dâu ở chung cùng gia đình nhà chồng. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 thì tôi đi lao động ở Đài Loan và lúc này anh T ở Việt Nam, chúng tôi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do tính cách vợ chồng không hợp nhau, không chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Tôi và anh T ít khi liên lạc với nhau. Năm 2018 thì anh T sang Đài Loan lao động. Tuy cùng làm ở Đài Loan nhưng chúng tôi không gặp nhau bao giờ. Tháng 10/2018 thì tôi về Việt Nam sinh sống hẳn. Còn anh T hiện nay vẫn đang lao động tại Đài Loan. Từ khi tôi về Việt Nam thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn. Chúng tôi đã không còn quan tâm đến nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Dương Văn T.

- Về con chung: Tôi và anh Dương Văn T không có con chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi và Dương Văn T không có tài sản chung, công nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

\*Bị đơn là anh Dương Văn T hiện đang lao động tại Đài Loan có quan điểm trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: tôi kết hôn với chị Hoàng Bích N trên cơ sở có sự tìm hiểu, tự nguyện gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Chúng tôi đăng ký kết hôn ngày 03/11/2014 tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chúng tôi cùng nhau chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ của tôi. Thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N đi lao động ở Đài Loan khoảng cách địa lý xa xôi, tình cảm vợ chồng lại không hòa hợp về tính cách nên ít liên lạc hỏi thăm động viên nhau trong cuộc sống. Năm 2018 tôi cũng sang lao động tại Đài Loan nhưng vợ chồng không liên lạc gặp nhau. Cuối năm 2018 thì N về Việt Nam. Chúng tôi không liên lạc với nhau một thời gian dài, không ai quan tâm đến ai nữa. Tôi xác

định tình cảm không còn không hàn gắn được nữa mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N làm đơn ly hôn với tôi thì quan điểm của tôi là đồng ý ly hôn.

- Về con chung: tôi và chị N không có con chung do vậy tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chúng tôi không có tài sản chung gì cũng không có nợ nần ai nên không đề nghị tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình: Trong thời gian chung sống chúng tôi không có công sức đóng góp gì cho gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Do không sắp xếp được công việc nên tôi không thể tham gia các buổi làm việc lấy lời khai tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải các phiên tòa của Tòa án được. Tôi xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc lấy lời khai tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải các phiên tòa xét xử của Tòa án. Tôi giữ nguyên quan điểm như tôi đã trình bày tại bản tự khai và không bổ sung gì thêm. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Khi nào Tòa án giải quyết xong thì gửi kết quả bản án cho bố mẹ tôi để thông báo cho tôi được biết, thực hiện.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn vắng mặt giữ nguyên quan điểm đã trình bày. HĐXX công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX (sau đây viết tắt là HĐXX) giải quyết cho chị Hoàng Bích N được ly hôn anh Dương Văn T. Về con chung: không có không đề nghị Tòa án giải quyết

Tài sản chung, công nợ không có nên không xem xét giải quyết.

Chị Hoàng Bích N phải chịu án phí sơ thẩm, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định. Chấp nhận sự tự nguyện chịu chi phí giám định 3.240.000 đồng của chị N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Bích N là công dân Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn anh Dương Văn T. Bị đơn là anh Dương Văn T có hộ khẩu thường trú tại Thôn Yên Tập, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang lao động ở nước ngoài. Địa chỉ nơi làm việc: công ty TNHH Cổ phần công nghệ phụ tùng ô tô X. Địa chỉ: Số 38, ngõ 306, đường H phường T, quận L, thành phố Đà Trung, Đà Loan. Căn cứ Giấy chứng nhận cư trú của anh Dương Văn T thì thời hạn của anh T đến ngày 16/4/2021. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu đứng tên anh Dương Văn T :

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Dương Văn T và thu thập chứng cứ tài liệu. Tại công điện số 047-2020/CĐ-LS ngày 09/3/2020 của Văn phòng Kinh tế-Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc trả lời Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng của Tòa án tại Văn phòng đồng thời đăng thông báo trên cổng thông tin điện tử của Văn phòng và thực hiện tổng đạt theo quy định. Cho đến nay Văn phòng không nhận được phản hồi nào của bị đơn. Tòa án đã gửi văn bản tố tụng về gia đình anh Dương Văn T. Anh T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và có văn bản thể hiện quan điểm gửi từ nước ngoài về để cung cấp cho Tòa án. Do văn bản của anh Dương Văn T gửi về không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài nên chị Hoàng Bích N có đơn đề nghị giám định chữ viết, chữ ký, dấu vân tay của anh Dương Văn T trên các tài liệu gửi về. Ông Dương Văn M là bố đẻ của anh Dương Văn T trình bày anh Dương Văn T có gửi bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt về cho gia đình. Ngoài ra ông Dương Văn M còn cung cấp cho Tòa án các tài liệu có chữ, viết, chữ ký của anh Dương Văn T để Tòa án xem xét giải quyết vụ án.

[2.2]. Tòa án đã có quyết định trưng cầu giám định số 06/2020/QĐ-TCGD ngày 03/6/2020. Tại kết luận giám định số 751/KLGD-KTHS ngày 23/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang thể hiện các chữ viết, chữ ký, dấu vân tay trong các tài liệu đứng tên anh Dương Văn T được trưng cầu giám định

và chữ viết, chữ ký, dấu vân tay trong các tài liệu mẫu để so sánh là do cùng một người viết ra.

[2.3]. Từ những nội dung trên, HĐXX xét thấy mặc dù văn bản, tài liệu của anh Dương Văn T gửi từ nước ngoài về không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng có đủ căn cứ để khẳng định các văn bản, tài liệu thể hiện quan điểm giải quyết vụ án là đúng của anh Dương Văn T. HĐXX chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu này để giải quyết vụ án.

[3]. Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Bích N và anh Dương Văn T đã có bản tự khai trình bày về vụ việc và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy việc vắng mặt của chị Hoàng Bích N, anh Dương Văn T không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Hoàng Bích N, anh Dương Văn T.

[4]. Về quan hệ vợ chồng:

[4.1]. Chị Hoàng Bích N và anh Dương Văn T kết hôn trên cơ sở tự do, tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03/11/2014 tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Bích N và anh Dương Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2017 thì chị N và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do tính cách vợ chồng không hợp nhau, không chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng ít khi liên lạc với nhau. Năm 2018 thì vợ chồng bất đồng quan điểm khiến cho tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị Hoàng Bích N xin ly hôn, anh Dương Văn T đồng ý.

[4.2]. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng. Xét thấy đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Hoàng Bích N được ly hôn anh Dương Văn T.

[5]. Về con chung: Chị N, anh T không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị Hoàng Bích N và anh Dương Văn T không có tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[7]. Về chi phí tố tụng:

[7.1]. Về án phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: chị chị Hoàng Bích N phải chịu 200.000đồng án phí ủy thác ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000333 ngày 29/5/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7.2]. Về chi phí giám định: chị N tự nguyện chịu cả 3.240.000 đồng chi phí giám định, cần được chấp nhận.

[7.3]. Về án phí: Chị Hoàng Bích N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000290 ngày 26/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Hoàng Bích N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 153; khoản 1, Điều 154; Điều 159; Điều 160; Điều 161; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, Điều 474; điểm a, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Bích N được ly hôn anh Dương Văn T .

2. Về chi phí tố tụng:

- Về án phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: chị chị Hoàng Bích N phải chịu 200.000đồng án phí ủy thác ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000333 ngày 29/5/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Hoàng Bích N đã nộp và chi phí số tiền 200.000 đồng.

- Về chi phí giám định: chị N tự nguyện chịu cả 3.240.000 đồng chi phí giám định. Xác nhận chị Hoàng Bích N đã nộp và chi phí số tiền 3.240.000 đồng.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Bích N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Toà án số AA/2018/0000290 ngày 26/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Hoàng Bích N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Anh Dương Văn T hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Hoàng Bích N cư trú tại Việt Nam, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Y, huyện Y;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Ong Thân Thắng**